

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2024.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phụng.
2. Bà Võ Thị Diệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Bích Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 287/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ X, ấp A, xã Mỹ N, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn L, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp B, xã Tân N, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, chị Huỳnh Thị Bé T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bé T và anh Lê Văn L kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/7/2023. Sau khi về chung sống với nhau được 07 tháng

thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Từ đó, vợ chồng không hoà hợp được, không thể tiếp tục chung sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Huỳnh Thị Bé T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cước công dân Huỳnh Thị Bé T (bản photo);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bé T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*” được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 51 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp B, xã Tân N, huyện Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Lê Văn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng thời, chị Huỳnh Thị Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn L và chị Huỳnh Thị Bé T theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân N, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/7/2023 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh L là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bé T.

- Về con chung: Do nguyên đơn chị T trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008350 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Bé T.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bé T được ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008350 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang